

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày 03-10-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Kiên Toàn

Bà Nguyễn Thị Chúc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thúy N, sinh năm 1980; trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Hà Xuân H, sinh năm 1974 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1976; đều trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Khổng Ngọc T, sinh năm 1973; trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Thúy là: Chị Phan Thúy N, sinh năm 1980; trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2018) (có mặt);

Người làm chứng: Chị Phạm Thị U, sinh năm 1988; trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phan Thúy N trình bày:

Gia đình chị và gia đình anh H, chị H có quen biết nhau từ trước, ngày 14/8/2012 (âm lịch), vợ chồng chị cho anh H vay 10.000.000đ, ngày 27/10/2012 (âm lịch) cho anh H vay 6.000.000đ, ngày 29/5/2013 (âm lịch) cho anh H, chị H vay 6 chỉ vàng 9999 với giá trị tại thời điểm đó là 22.800.000đ. Đối với việc vay vàng chị có bảo anh H, chị H viết giấy hẹn đúng ngày, đúng tháng phải trả và đã viết giấy hẹn trong tháng 12-2013 trả trước 1/2 số vàng, còn đầu năm 2014 thì trả nốt số còn lại. Suốt từ đó cho đến nay chị đã đòi vợ chồng anh H, chị H nhiều lần nhưng không trả mà anh, chị cứ hết lần này đến lần khác. Nay đề nghị Tòa án buộc anh H, chị H phải trả cho vợ chồng chị 16.000.000đ và 6 chỉ vàng 9999 (22.800.000đ) trị giá là 38.800.000đ. Tại bản tự khai ngày 10/5/2018 và tại phiên tòa, chị chỉ đề nghị Tòa án buộc anh H, chị H phải trả 6 chỉ vàng 9999, còn số tiền 16.000.000đ chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Xuân H trình bày: Anh và chồng chị N là bạn bè với nhau, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì, ngày 29/5/2013 (âm lịch) anh và vợ anh có đến vay vợ chồng chị N 6 chỉ vàng 9999 để làm ăn kinh tế. Hai bên có làm giấy biên nhận vay vàng, giấy đó là do anh viết tay, thỏa thuận vợ chồng anh vay đến tháng 12/2013 sẽ trả trước một nửa (3 chỉ vàng), còn lại ba chỉ vàng sẽ thanh toán nốt cho chị vào đầu năm 2014, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, do quá trình làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh chưa trả tiền cho vợ chồng chị N theo đúng hạn. Quá trình vay vàng, sau khi thỏa thuận, anh là người nhận vàng, còn vợ anh chỉ đi cùng chứng kiến. Ngoài vợ chồng anh và vợ chồng chị N còn có chị U có ký vào giấy vay. Nay chị N đề nghị vợ chồng anh phải trả cho chị N 6 chỉ vàng 9999, anh hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên, do kinh tế gia đình anh hiện còn khó khăn nên anh chưa thể trả ngay cho chị N được, anh xin trả số vàng trên vào tháng 10/2018, hình thức sẽ trả bằng 6 chỉ vàng 9999 trong một lần chậm nhất vào ngày 30/10/2018.

Chị Vũ Thị H và anh Hà Xuân H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần nhưng anh H, chị H đều không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của chị H (Tòa án chỉ lấy được lời khai của anh H) và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Không Ngọc T (người đại diện theo ủy quyền là chị Phan Thúy N) trình bày: Có quan điểm như phần trình bày của chị N, nay không bổ sung gì.

Người làm chứng chị Phạm Thị U trình bày: Chị và chị N là anh em họ trong gia đình. Ngày 29/5/2013 (âm lịch), chị có sang nhà chị N chơi, khi đang chơi ở nhà chị N thì có vợ chồng anh H, chị H đến chơi, lúc đó chị không biết anh H, chị H là ai vì không có quan hệ gì. Chị N, anh H và chị H nói chuyện gì với nhau chị không biết vì chị ngồi chơi ở ngoài, sau một lúc chị N gọi chị và nhờ chị ký vào giấy biên nhận vay vàng làm người chứng kiến, còn thực tế chị không được chứng kiến quá trình hai bên trao vàng cho nhau.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Buộc anh H, chị H phải trả 6 chỉ vàng 9999 cho chị N; đình chỉ yêu cầu đòi 16.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 14/8/2012 (âm lịch) và ngày 27/10/2012 (âm lịch).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phan Thúy N đối với bị đơn là anh Hà Xuân H, chị Vũ Thị H về việc đòi vàng theo giấy biên nhận vay vàng ngày 29 tháng 5 năm 2013 (âm lịch). Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 29/5/2013 (âm lịch) chị Phan Thúy N có cho vợ chồng anh Hà Xuân H và chị Vũ Thị H vay 6 chỉ vàng 9999, hạn trả nợ cuối cùng là đầu năm 2014, nay chị N có yêu cầu anh H, chị H phải trả theo hợp đồng. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn anh Hà Xuân H và chị Vũ Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn đã không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, cố tình không lên Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được (Tòa án chỉ lấy được lời khai của anh H tại nhà anh H). Việc anh H, chị H cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc anh, chị đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Ngày 09/5/2018, chị Phan Thúy N có đơn khởi kiện yêu cầu anh H, chị H phải trả 38.800.000đ (trong đó 16.000.000đ và 6 chỉ vàng 9999 trị giá 22.800.000đ). Đến ngày 10/5/2018 và tại phiên tòa, chị N chỉ yêu cầu anh H, chị H phải trả 6 chỉ vàng 9999, còn số tiền 16.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 14/8/2012 (âm lịch) và ngày 27/10/2012 (âm lịch) chị rút yêu cầu này và

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi 16.000.000đ và tiếp tục giải quyết yêu cầu đòi 6 chỉ vàng 9999 của nguyên đơn.

Theo nội dung giấy biên nhận vay vàng ngày 29/5/2013 (âm lịch) thể hiện: “Vợ chồng tôi có vay của vợ chồng anh chị Không Ngọc T, vợ là Phan Thúy N số vàng là 6 chỉ vàng (9999), thời hạn vay từ nay đến đầu tháng 12/2013 trả trước 1/2, còn sang đầu năm 2014 trả nốt...., người nhận vàng vợ ký Vũ Thị H, người làm giấy và vay vàng ký Hà Xuân H”. Quá trình làm việc với anh H cũng thừa nhận vợ chồng anh có vay của vợ chồng anh Thúy, chị N 6 chỉ vàng 9999, đến nay chưa trả được và hẹn đến 30/10/2018 sẽ trả nhưng không được chị N đồng ý. Chị N khởi kiện yêu cầu anh H, chị H phải trả 6 chỉ vàng 9999, theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 có quy định “....khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng.....”. Vì vậy cần buộc anh H, chị H phải trả số vàng trên cho chị N.

Về lãi suất do chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N buộc anh H, chị H phải trả số 6 chỉ vàng 9999.

[5]. Về án phí: Qua xác minh tại địa phương thì giá 1 chỉ vàng 9999 là 3.466.000đ.

Anh H, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6 chỉ x 3.466.000đ/chỉ vàng x 5% = 1.040.000 đồng (làm tròn).

Chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 471, 473, 474, 478 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 228, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện 16.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 14/8/2012 (âm lịch) và ngày 27/10/2012 (âm lịch).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh chị Phan Thúy N đối với anh Hà Xuân H và chị Vũ Thị H.

Buộc anh Hà Xuân H và chị Vũ Thị H phải liên đới trả cho chị Phan Thúy N 6 chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án tài sản nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả

tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Xuân H và chị Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.040.000 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Chị Phan Thúy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0004762 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa